

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày: 24-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hồng; Nơi công tác: Đảng ủy xã V.

Ông Nguyễn Thiện Hoàn; Nơi công tác: Trường Tiểu học A xã K.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh– Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đưa ra xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Võ Văn N, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001 tại A, An Giang; Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Võ Văn H và bà Phạm Thị C; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2020 cho đến nay; Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Em Trần Thị Cẩm M, sinh ngày 15/3/2007; nơi cư trú: Ấp Bình D, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; ông Trần Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang là cha mẹ của em Cẩm M; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983; có mặt.

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; có mặt.

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Zalo, Võ Văn N quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với em Trần Thị Cẩm M, sinh ngày 15/3/2007. Từ ngày 29/11/2020 đến ngày 06/12/2020, N đã giao cấu với M 08 lần cụ thể như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 29/11/2020, N nhắn tin rủ em M ra phía sau vườn xoài, cách nhà em M khoảng 30m (thuộc ấp B, xã K, huyện A) để nói chuyện thì em M đồng ý. Khi ra đến vườn xoài, N dùng tấm tăng bằng nhựa lót và rủ em M giao cấu được em M đồng ý, cả hai giao cấu với nhau 02 lần. Khoảng 03 ngày sau, với cách thức như lần đầu N nhắn tin rủ em M ra phía sau vườn xoài nhà em M, rồi cả hai vào nhà vệ sinh (nhà của anh Trương Văn L, hiện không có người ở) cách vườn xoài khoảng 05m. Tại đây, N dùng tấm tăng cũ lót và rủ em M giao cấu được em M đồng ý, N và M giao cấu với nhau 02 lần. Khoảng 22 giờ ngày 05/12/2020, N nhắn tin rủ em M đi ra cây gáo phía sau nhà em M, cách đường biên giới Việt Nam - Campuchia khoảng 100m để nói chuyện thì em M đồng ý. Tại đây, N và em M mỗi người uống hết 02 lon bia, N rủ em M giao cấu được M đồng ý nên N dùng chiếc chiếu lót rồi cùng nhau thực hiện hành vi giao cấu với nhau 02 lần. Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2020, N nhắn tin rủ M ra phía sau nhà M, cách đường biên giới Việt Nam - Campuchia khoảng 100m để nói chuyện thì M đồng ý. Khi đi, N mang theo 02 chai rượu hiệu STRONGBOW, đến tại cây gáo N và em M mỗi người uống hết 01 chai rượu. Sau đó, N rủ em M giao cấu thì em M đồng ý nên N dùng cái võng mang theo để lót, rồi cùng nhau thực hiện hành vi giao cấu với nhau 02 lần. Giao cấu xong, em M lấy quần lót để vào túi áo đi về nhà. Khi về đến nhà bà Nguyễn Thị Đào phát hiện sự việc nên đến Công an xã K trình báo. Ngay sau đó, Võ Văn N đến Công an xã K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y số 463/20/TgT ngày 09/12/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang đối với bị hại, xác định: Bộ phận sinh dục ngoài bình thường, màng trinh dẫn rộng, rách cũ vị trí 06 giờ, 08 giờ.

Ngày 11/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Võ Văn N.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 02 (hai) vỏ chai thủy tinh, nhãn hiệu STRONGBOW đã qua sử dụng;
- 01 (một) quần lót loại nữ màu hồng, đã qua sử dụng;
- 01 (một) bao cao su chưa sử dụng, 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng (còn lại vỏ bao);
- 01 (một) võng mắc kiểu lưới, màu xanh trắng đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đen, sim số 0976.437494, đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, số sim 0927.028064, đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Võ Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Trong tất cả 08 lần N giao cấu với M đều được M tự nguyện đồng ý và cùng nhau thực hiện hành vi giao cấu, N không đe dọa hay ép buộc gì đối với em M.

Lời khai của bị hại em Trần Thị Cẩm M và đại diện hợp pháp cho bị hại là bà Nguyễn Thị Đ: Phù hợp với diễn biến của vụ án. Qua sự việc, bà Đ yêu cầu xử lý hình sự đối với N và yêu cầu N bồi thường tiền tổn thất tinh thần, sức khỏe cho em M số tiền 30.000.000 đồng.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn S, Trần Văn Đ thống nhất trình bày: Vào sáng ngày 07/12/2020 đã trực tiếp nghe N thừa nhận có quan hệ tình dục với cháu M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn H cho biết: Ông là cha ruột của N. Qua sự việc, bà Đ yêu cầu N bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng, ông đồng ý khắc phục thay N đối với số tiền trên như yêu cầu phía bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y về tình dục và độ tuổi của bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT – VKS.AP ngày 02/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Võ Văn N về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, khai nhận phù hợp với nội dung vụ án.

Bị hại M, bà Đ, ông C người đại diện hợp pháp cho bị hại có ý kiến: Thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị hại thống nhất bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho phía bị hại số tiền là 30.000.000 đồng. Đây là ý chí tự nguyện của các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo biết hành vi của mình là sai và rất ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A, Điều

tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Quá trình điều tra, truy tố xác định ông C là người có liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định ông C là người đại diện hợp pháp của bị hại.

Xét thấy: Ông H vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai tại Cơ quan cảnh sát Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết thông qua mạng xã hội Zalo, N và M đã có quan hệ tình cảm yêu thương nhau. Trong khoảng thời gian từ ngày 29/11/2020 đến 06/12/2020 bị cáo Võ Văn N đã 08 lần thực hiện hành vi giao cấu với em M. Mặc dù, em M xác nhận việc quan hệ tình dục với N là xuất phát từ sự tự nguyện, không ép buộc và cũng không có mục đích khác. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu thì em M chưa đủ 16 tuổi. Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Võ Văn N về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đã thành niên có đủ năng lực nhận thức hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau nhưng tính đến ngày bị xâm phạm thì bị hại chưa đủ 16 tuổi nên việc nhận thức pháp luật của bị hại còn hạn chế, thiếu khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi của chính mình. Vì ham muốn dục vọng của bản thân, bị cáo đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của gia đình, sự thiếu hiểu biết của bị hại để xâm phạm tình dục đối với em M một cách trái pháp luật.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, phạm tội nhiều lần, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe, sự phát triển bình thường về mọi mặt của bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần có một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện đến C an tự thú về hành vi phạm tội của mình trong các lần phạm tội trước đó. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, thuộc thành phần lao động nghèo, tự nguyện thỏa thuận được

mức bồi thường cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong thời gian tạm giam bị cáo chấp hành tốt và không phạm tội khác. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đ, ông C yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại 30.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, sức khỏe cho em M, bị cáo đồng ý. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của đương sự và xuất phát từ sự tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và đại diện bị hại theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 592 của Bộ luật dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (hai) vỏ chai thủy tinh, nhãn hiệu STRONGBOW đã qua sử dụng; 01 (một) quần lót loại nữ màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su chưa sử dụng, 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng (còn lại vỏ bao); 01 (một) võng mắc kiểu lưới, màu xanh trắng đã qua sử dụng. Xét thấy đây là những đồ vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đen, sim số 0976.437.494, đã qua sử dụng của Võ Văn N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, số sim 0927.028.064, đã qua sử dụng của em Trần Thị Cẩm M. Xét thấy đây là đồ vật cá nhân của bị cáo và bị hại không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng; chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định với số tiền là 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; Điều 38, Điều 47, Điều 48, điểm r, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Căn cứ các Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 292, Điều 333 và Điều 336 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 592 của Bộ luật dân sự; Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn N phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam ngày 14/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Văn N về việc bồi thường cho bị hại Trần Thị Cẩm M (bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn C là người đại diện nhận) số tiền: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ chai thủy tinh, nhãn hiệu STRONGBOW đã qua sử dụng; 01 (một) quần lót loại nữ màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su chưa sử dụng, 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng (còn lại vỏ bao); 01 (một) vớng mắc kiểu lưới, màu xanh trắng đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S màu đen, sim số 0976.437494, đã qua sử dụng. Trả lại cho em Trần Thị Cẩm M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng, số sim 0927.028064, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A với Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4. Về án phí: Bị cáo Võ Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.A;
- Cơ quan THA HS;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sang